

THÔNG TƯ số 312/2000/TT-BGTVT **ngày 10/8/2000 hướng dẫn đội mũ** **bảo hiểm khi đi mô tô, xe máy.**

Thực hiện khoản c Điều 34 Điều lệ Trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị được ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 29 tháng 5 năm 1995 của Chính phủ;

Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn người ngồi trên mô tô, xe máy khi đi trên đường phải đội mũ bảo hiểm như sau:

I. NHỮNG HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Đội mũ bảo hiểm nhằm bảo vệ người ngồi trên mô tô, xe máy đi trên đường khi bị tai nạn giao thông giảm chấn thương sọ não gây ra tử vong hoặc để lại dị tật.

2. Mô tô, xe máy đi trên đường được phân chia cụ thể như sau:

- "Xe máy" là phương tiện cơ giới đường bộ có 2 bánh chạy bằng động cơ, dung tích xi lanh nhỏ hơn 50 cm³ và tốc độ thiết kế lớn nhất không quá 50 km/h.

- "Xe mô tô" là phương tiện cơ giới đường bộ có 2 hoặc 3 bánh chạy bằng động cơ có dung tích xi lanh từ 50 cm³ trở lên và tổng trọng lượng toàn xe không vượt quá 400 kg.

3. Người ngồi trên mô tô, xe máy là người quốc tịch Việt Nam và quốc tịch nước ngoài bao gồm:

- Người điều khiển xe còn gọi là lái xe.
- Người ngồi trên xe cùng với người lái xe.

4. "Mũ bảo hiểm" là mũ được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 1873-1977 hoặc Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5756-1993 và được Cục Đăng kiểm kiểm định đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng; riêng trong năm 2000, mũ bảo hiểm là các mũ hiện đang có bán trên thị trường Việt Nam.

II. NHỮNG HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

1. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2000 bắt buộc đội mũ bảo hiểm đối với người ngồi trên mô tô, xe máy đi đường trường trên các quốc lộ mới được nâng cấp, cải tạo và các đường đi vào Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng và thành phố Đà Nẵng.

2. Từ ngày 01 tháng 1 năm 2001 bắt buộc đội mũ bảo hiểm đối với người ngồi trên mô tô, xe máy đi trên các quốc lộ, tỉnh lộ nằm ngoài phạm vi thị trấn, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và ngoài phạm vi nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Trước ngày 30 tháng 8 năm 2000, Cục Đường bộ Việt Nam được ủy quyền của Bộ Giao thông vận tải sẽ thông báo công khai những đường quốc lộ, Sở Giao thông vận tải (Sở Giao thông công chính) được ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sẽ thông báo công khai những đoạn đường địa phương quản lý phải đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên mô tô, xe máy.

4. Khuyến khích và động viên bằng mọi hình thức người ngồi trên mô tô, xe máy đội mũ bảo hiểm khi đi trên các đường nội đô, nội thị và các đường khác không được quy định tại mục 1, 2 của phần II này.

5. Người ngồi trên mô tô, xe máy đi trên những đường quy định phải đội mũ bảo hiểm mà không đội mũ bảo hiểm là vi phạm và sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam và Giám đốc các Sở Giao thông vận tải (Sở Giao thông công chính) phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Văn hóa thông tin, đặc biệt với Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tuyên truyền rộng rãi đến nhân dân về nội dung của Thông tư này và tổ chức thực hiện.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2000. Nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan và nhân dân phản ánh kịp thời về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

LÊ NGỌC HOÀN

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 68/2000/TT-BTC ngày 13/7/2000 hướng dẫn chi tiết một số điểm về bảo lãnh và đại lý phát hành trái phiếu Chính phủ.

Thi hành Nghị định số 01/2000/NĐ-CP ngày 13 tháng 1 năm 2000 của Chính phủ ban hành Quy chế Phát hành trái phiếu Chính phủ, Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số điểm về bảo lãnh và đại lý phát hành trái phiếu Chính phủ như sau:

Phần I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng điều chỉnh:

Đối tượng điều chỉnh của Thông tư này là cơ quan phát hành; các tổ chức bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành và các tổ chức có liên quan đến hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu Chính phủ.

2. Trái phiếu Chính phủ phát hành theo phương thức bảo lãnh hoặc đại lý dưới hình thức chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ.

3. Bộ Tài chính phê duyệt phương án phát hành trái phiếu Chính phủ theo phương thức bảo

lãnh hoặc đại lý và quyết định phát hành từng đợt theo đề nghị của Kho bạc Nhà nước Trung ương.

4. Giao cho Kho bạc Nhà nước phối hợp với các ngành liên quan tổ chức thực hiện việc phát hành trái phiếu Chính phủ dưới hình thức bảo lãnh và đại lý.

5. Giải thích từ ngữ:

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

5.1. Bảo lãnh phát hành là việc tổ chức bảo lãnh giúp Bộ Tài chính thực hiện các thủ tục trước khi phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường, nhận mua trái phiếu Chính phủ để bán lại hoặc mua số trái phiếu Chính phủ còn lại chưa được phân phối hết.

5.2. Đại lý phát hành là việc các tổ chức được phép làm đại lý phát hành trái phiếu thỏa thuận với Bộ Tài chính nhận bán trái phiếu Chính phủ. Trường hợp không bán hết, tổ chức đại lý phát hành được trả lại cho Bộ Tài chính số trái phiếu còn lại.

5.3. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức đại lý phát hành là các công ty chứng khoán, công ty tài chính, các tổ chức ngân hàng hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng được Bộ Tài chính công nhận thành viên tham gia bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu Chính phủ.

5.4. Tổ hợp bảo lãnh phát hành là nhóm các tổ chức bảo lãnh phát hành có từ 2 tổ chức trở lên cùng tham gia bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ trên cơ sở hợp đồng giữa các tổ chức bảo lãnh phát hành.

5.5. Tổ chức bảo lãnh phát hành chính là tổ chức đại diện về quyền lợi và nghĩa vụ cho tổ hợp bảo lãnh trong hoạt động bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ với Bộ Tài chính

5.6. Đồng bảo lãnh phát hành chính là các tổ chức bảo lãnh phát hành chính đồng đại diện về quyền lợi và nghĩa vụ cho tổ hợp bảo lãnh trong hoạt động bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ với Bộ Tài chính.

5.7. Đồng bảo lãnh là các tổ chức bảo lãnh phát